

NGHIÊN CỨU BƯỚC ĐẦU VỀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ LỚP HỌC DÀNH CHO TRẺ TỰ KỈ TRONG TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

TRẦN THỊ BÍCH NGỌC*

Ngày nhận bài: 25/03/2016; ngày sửa chữa: 31/03/2016; ngày duyệt đăng: 31/03/2016.

Abstract: One of the most difficulties in teaching children with autism is how teacher could manage a adaptive learning environment. In the range of children with autism, each individual has different behaviors, with different needs and strengths as well as different learning methods. Addressing the issue, the paper develops a model of classroom management for children with autism in special education settings. It will facilitate children with autism to involve into the class in a more positive way.

Keywords: Children with autism, classroom management, special schools.

1. Tự kỉ (TK) là một dạng rối loạn thần kinh phức tạp, có ảnh hưởng đến các chức năng của não, được đặc trưng bởi các khiếm khuyết về giao tiếp và tương tác xã hội. Các hành vi (HV), sở thích và hoạt động của trẻ tự kỉ (TTK) là rất hạn chế, lặp đi lặp lại và rập khuôn (*Hiệp hội Tâm thần Mĩ*(APA), 1994).

Ở Việt Nam, số lượng các trung tâm giáo dục dành cho TTK đang ngày càng nhiều, nhưng đa số các trung tâm đều gặp những khó khăn trong việc quản lí (QL) lớp học như: số lượng TTK trong một lớp học đông, nhưng giáo viên (GV) trong lớp ít, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học (DH) còn thiếu, GV ít được tập huấn về việc QL lớp học dành cho TTK... Nghiên cứu này tiếp cận dựa trên những khác biệt và đặc điểm HV của TTK để nêu lên mô hình QL lớp học dành cho GV dạy TTK trong trường chuyên biệt.

2. Một số đặc điểm của TTK

Theo "Sổ tay chẩn đoán rối nhiễu và tâm thần DSM-V". Rối loạn phổ TK là rối loạn được xác định bởi: - Khiếm khuyết về giao tiếp và tương tác xã hội; - Bị hạn chế, lặp lại hoặc rập khuôn HV, sở thích, hoạt động; - TTK là những trẻ gặp phải những HV nêu trên, những triệu chứng này xuất hiện ngay trong giai đoạn phát triển đầu đời, mặc dù có thể chưa được nhận biết được ngay lúc đó; - Các triệu chứng này gây ra những khiếm khuyết nghiêm trọng về mặt y khoa trong các lĩnh vực xã hội, nghề nghiệp và các lĩnh vực quan trọng khác; - Đặc điểm HV của TTK, theo quan điểm của Kanner và Asperger, bao gồm: 1) "Sự đơn độc TK": nghĩa là xu hướng luôn đóng chặt cửa với mọi người và thế giới xung quanh, chỉ lặp đi lặp lại những hoạt động rập khuôn; 2) *Trẻ thường thích đồ vật hơn là con người*. Trẻ luôn có xu hướng phớt lờ và lảng tránh mọi người xung quanh, thậm chí cả cha

mẹ mình. Thực tế trẻ luôn cho rằng con người là những đồ vật chẳng liên quan đến mình; 3) *Gặp khó khăn về ngôn ngữ*, với nhiều dạng khác nhau tùy theo từng trẻ. Có trẻ có thể nói sau 3 tuổi, có trẻ lại phải sau tuổi vị thành niên mới có thể nói được, có trẻ lại không nói được đại từ "tôi" mà chỉ nói "mẹ/chị/bạn"; ví dụ như thay vì nói "tôi muốn ăn kẹo" thì trẻ sẽ nói là "bạn muốn ăn kẹo"; 4) *Có những HV nghi thức và ám ảnh theo nhiều dạng khác nhau*. Ví dụ như khi trẻ được hướng dẫn di chuyển từ điểm A sang điểm B, trẻ có thể chỉ luôn luôn theo lộ trình đi từ điểm A sang điểm B, thậm chí sự thay đổi nhỏ nhất trong lộ trình cũng có thể làm trẻ khó chịu, bực mình; 5) *Không ưa những tiếng động lớn, một số chuyển động và các kích thích giác quan cụ thể nào đó*. Ví dụ: một TTK có thể sợ thang máy, các đồ chơi cơ học, nước chảy hoặc thậm chí là gió; 6) *Một số TTK có thể có trí nhớ tuyệt vời và các khả năng trí tuệ khác như âm nhạc, hội họa, thể thao...;* 7) *TTK thường không cười hoặc cười rất ít cũng như thiếu biểu lộ bằng cử chỉ nét mặt trong quá trình trẻ nói*. Kanner là người đầu tiên cho rằng nhiều TTK không cười, và trẻ có thể cùng lúc nói mà không biểu hiện nét mặt và cử chỉ nào.

Những khó khăn điển hình mà TTK gặp phải trong lớp học: - Không thích chơi hoặc không biết chơi với bạn khác, không quan tâm và không có cách ứng xử phù hợp với các mối quan hệ xung quanh (thầy cô, bạn bè); - Khó khăn trong việc hiểu khái niệm thời gian, không gian khi thực hiện hoạt động; - Thích làm việc tự do và chỉ thích một số công việc quen thuộc; - Tính tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập kém; - Khó khăn trong việc xác

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

định trình tự công việc, không biết phải làm gì và làm như thế nào hoặc khi được giao nhiệm vụ mới; - Khó khăn trong việc thể hiện ý kiến của bản thân bằng giao tiếp có lời và giao tiếp không lời; - Rất khó thực hiện nội quy tại lớp học; - Có thể có HV bất thường làm ảnh hưởng đến bản thân và hoạt động của lớp; - Khả năng tiếp thu kiến thức, kĩ năng (KN) học đường kém, đặc biệt là những kiến thức, KN đòi hỏi khả năng ngôn ngữ và tư duy trừu tượng... Do có những đặc điểm HV khác biệt, TTK cần một mô hình lớp học phù hợp nhằm QL được HV của trẻ, từ đó giúp cho việc giáo dục TTK đạt được hiệu quả cao hơn, GV là người có vai trò chính trong việc xây dựng và QL mô hình lớp học của mình.

3. Mô hình QL lớp học dành cho TTK

Chúng tôi đề xuất mô hình giáo dục cho TTK đã được thực hiện thành công ở Mỹ.

3.1. Cấu trúc lớp học: là môi trường vật chất trong lớp học nhằm tạo điều kiện cho học sinh (HS) TK học tập thành công. Khi trẻ bước vào lớp học, có thể xác định được khu vực nào là nơi trẻ học, khu vực vui chơi hoặc nghỉ ngơi. Tuy nhiên, lớp học dành cho TTK vẫn cần được cấu trúc dựa trên những nhu cầu của mỗi cá nhân TTK. Có những khung/mẫu cơ bản cho việc tổ chức lớp học hiệu quả, nhưng những mẫu này cần được điều chỉnh nhằm giải quyết những nhu cầu cụ thể của từng cá nhân TTK.

Cấu trúc lớp học rất quan trọng, thông qua việc sắp xếp môi trường học tập, trẻ biết chúng ta mong đợi gì ở trẻ, trẻ cần làm việc gì tiếp theo và khi nào chúng kết thúc một hoạt động. Một lớp học được cấu trúc tốt có thể làm tăng cơ hội học tập, giao tiếp, tương tác xã hội, giảm thiểu các HV xấu của trẻ. Tương tự như vậy với GV, lớp học này sẽ tăng hiệu quả DH. GV có thể sẽ chỉ mất ít thời gian hơn để đối phó với những HV không thích hợp, do đó, sẽ tăng thời gian DH những KN mong muốn cho trẻ. Một lớp học được cấu trúc tốt có thể giúp TTK độc lập và tự tin hơn.

Tiêu chí xây dựng lớp học: - *Tách biệt khỏi môi trường bên ngoài:* Có thể sử dụng rèm chắn sáng trên các cửa sổ hoặc đóng cửa sổ để HS không bị phân tâm bởi bất cứ điều gì xảy ra bên ngoài; - *Sử dụng thiết kế đơn giản và ít màu sắc:* Trẻ sẽ không mong muốn bức tường có quá nhiều màu sắc và hình ảnh. GV cần xây dựng một bảng lịch trình bằng hình ảnh cho mỗi trẻ giúp trẻ cảm thấy thoải mái hơn. Ví dụ, lịch trình có thể bao gồm các biểu tượng như ra ngoài trời để chơi, giờ học âm nhạc và thời gian để học. Sau mỗi ngày DH, GV nên xây dựng kế hoạch cá nhân/lịch cá nhân bằng hình ảnh cho từng trẻ một.

Khu vực học của trẻ nên được sắp xếp ở trung tâm để trẻ ngồi học nhằm giúp trẻ học tập trong một môi trường thoải mái hơn. Sau đó, GV có thể chia HS thành các nhóm học khác nhau với các nội dung như toán học, đọc sách, âm nhạc và các môn học khác thích hợp đối với nhóm tuổi mà GV đang dạy. Lưu ý việc sử dụng các tài liệu học tập trực quan sẽ giúp TTK tiếp cận và học tập dễ dàng hơn; nên bố trí một khu vực an toàn vì TTK rất dễ giận dữ hoặc co giật, có thể tự làm đau bản thân bằng cách tự cắn mình hoặc đập đầu vào tường. Khu vực đó có thể là một nơi yên tĩnh không có đồ vật gì hoặc luôn có sẵn các vật mềm như đệm, gối.... Do TTK rất hay có những HV khác lạ, hoặc cảm xúc bất thường nên các lớp học nên bố trí một khoảng không gian riêng dành cho trẻ, có thể là một khoảng không nhỏ được bao quanh bằng 4 bức tường có cửa khóa để khi trẻ có HV lạ, GV sẽ để trẻ vào đó nhằm xoa dịu cảm giác của trẻ. Vị trí ngồi của GV nên được thiết kế để sao cho GV có thể quan sát và tiếp xúc được với tất cả trẻ trong quá trình dạy nhóm.

Với những lớp học cá nhân, không nên bày tất cả các đồ vật xung quanh trẻ, vì như vậy trẻ sẽ bị xao trộn và mất tập trung với các hoạt động mà GV đưa ra.

3.2. QL về trang thiết bị lớp học dành cho TTK. Danh sách những trang thiết bị cần được điều chỉnh cho phù hợp với trẻ: Bút chì, thìa và bàn chải đánh răng là những vật dụng dành cho trẻ có khó khăn về vận động tinh, do vậy cần có những đồ dùng này trong lớp học. Kẻ đường kẻ trên giấy để tạo ra một ranh giới vật lí rõ ràng để giúp trẻ xác định được biên giới và vẽ bên trong ranh giới của mình. Một số trẻ thỉnh thoảng thể hiện sự bồn chồn về vận động hoặc gặp khó khăn về vận động trong một thời gian dài; vì vậy, để giúp trẻ tập trung hơn, GV có thể sử dụng quả bóng trị liệu hoặc ghế đệm tăng cao. Quần áo hoặc giày cần có kéo khóa giúp các em có thể tự mặc quần áo và giày dép. Một cái kéo thích hợp cũng có thể giúp HS cắt giấy hiệu quả và độc lập hơn. TTK thường gặp khó khăn trong việc hiểu các khái niệm về không gian, chẳng hạn như bên trái và bên phải, do vậy GV và phụ huynh nên đánh dấu giày một cách kín đáo để giúp trẻ đặt lên chân chính xác. Những trẻ gặp khó khăn với *vận động tinh* có thể sẽ học tốt hơn khi sử dụng máy tính để hoàn thành bài tập.

Một số HS bị phân tâm bởi những thông tin không mấy liên quan (như số trang, đường nét, hình ảnh, bề mặt bóng loáng), do vậy nên loại bỏ những chi tiết không liên quan này trong cuốn sách, cuốn sách được in trên nền giấy không bóng hoặc ngồi học trên bàn được làm bằng vật liệu không bóng.

3.3. QL HV cho TTK. TTK có thể có những HV không bình thường, không tuân theo những quy tắc, do đó, cần tập trung vào việc QL những HV của trẻ bằng cách xây dựng một kế hoạch can thiệp có hệ thống nhằm thay đổi HV của trẻ. Kế hoạch đó phải có sự phối hợp giữa phụ huynh HS, GV, GV hỗ trợ (nếu có), ban giám hiệu, chuyên gia tư vấn HV, nhà trị liệu ngôn ngữ, nhà tâm lý học....

Kế hoạch HV gồm có các bước như sau:

- *Nhận định/xác định các vấn đề về HV.* Xác định và mô tả các HV bằng cách quan sát: khi nào xảy ra, diễn ra ở đâu, điều gì thường xảy ra trước khi có HV đó?... TTK có thể có một hoặc nhiều HV lạ/thách thức, do vậy, nếu mong đợi là sẽ thay đổi được tất cả những HV của trẻ là không hợp lí, mà chỉ nên tập trung vào việc thiết lập can thiệp cho một số HV cần được ưu tiên.

- *Xác định chức năng của các HV và các yếu tố cộng hưởng.* GV cần thu thập thông tin về HS, HV, môi trường, hệ quả của HV để quyết định xem mục đích của HV là gì và những yếu tố duy trì HV (gồm cả đánh giá toàn diện về HV và bối cảnh diễn ra HV đó). Phân tích chức năng về HV là một quá trình xác định những chức năng phục vụ cho một HV cụ thể cho từng cá nhân, dựa trên quan điểm tất cả các HV đều có mục đích. Mục đích có thể là: - Muốn làm người khác chú ý; - Kết quả hữu hình; - Thoát khỏi tình trạng trẻ không hài lòng; - Tìm kiếm cảm giác; - Tự điều chỉnh; - Đưa ra nhận xét hoặc tuyên bố; - Giải tỏa sự căng thẳng, hoặc chỉ là thói quen. Quá trình ABC về thu thập thông tin cho việc phân tích HV như sau: - Tiền HV (Antecedents) (điều gì đã xảy ra ngay trước khi HV này diễn ra, khi nào nó diễn ra và với ai?); - Miêu tả HV (Behaviour description); - Kết quả (Consequence) cái gì diễn ra sau đó và hậu quả là gì. Những thông tin này cần được thu thập bằng cả quan sát và qua các số liệu có được. Phụ huynh HS, GV và những bên có liên quan có thể cung cấp những thông tin cơ bản. Đây là bước cơ bản nhằm xây dựng kế hoạch thay đổi HV.

- *Xác định những HV thay thế.* Sau khi đã xác định được chức năng HV, người lập kế hoạch có thể xác định được các HV thay thế đúng đắn hơn và vẫn đảm bảo cùng chức năng. Mục đích của công việc này nhằm tăng những HV thích hợp thay thế của trẻ mà vẫn đạt được mục tiêu tương tự. Những điều sau có thể hỗ trợ xác định được các HV thay thế: Mục tiêu HV thay thế thường bao gồm phát triển các KN xã hội hoặc/và KN giao tiếp. Các HV thay thế có thể cũng nhằm tìm kiếm sự kích thích

giác quan hoặc các biện pháp làm giảm căng thẳng (ví dụ các bài tập thư giãn, đi đến nơi yên tĩnh). Các HV được đưa ra là mục tiêu có thể là tự kiểm soát và QL cơn giận giữ. Trong hầu hết các trường hợp, dạy trẻ những HV thay thế sẽ cần được kết hợp với các chiến lược chương trình tích cực khác.

- *Xác định chiến lược HV,* gồm 2 phần là thay đổi môi trường và các chiến lược chương trình tích cực. Với HV có vấn đề, có thể sẽ bị hạn chế nếu GV có thể *thay đổi môi trường học* của trẻ. Những đánh giá và phân tích các HV chỉ ra rằng HV không phù hợp thường diễn ra trong các khu vực cụ thể hoặc thời gian cụ thể, do vậy nếu như chúng ta có thể thiết lập một môi trường phù hợp với trẻ sẽ giảm thiểu được các HV. Một số cách thay đổi môi trường như: giảm các yếu tố kích thích sự phân tán; cảnh giác với việc trẻ phải sử dụng quá nhiều giác quan, thay đổi sự sắp xếp lớp học, cung cấp kế hoạch rõ ràng có hỗ trợ bằng hình ảnh và để trẻ có thể đoán được việc tiếp theo trẻ sẽ phải làm, có kế hoạch nghỉ ngơi giữa giờ học và dành thời gian để trẻ bình tĩnh; thay thế những nhiệm vụ có độ khó không phù hợp với trẻ thành những nhiệm vụ dễ hơn, đưa ra cho trẻ nhiều lựa chọn, có chỗ cho trẻ thư giãn, đưa ra những yêu cầu rõ ràng về HV thông qua các quy tắc và dụng cụ trực quan thích hợp giúp trẻ dễ hiểu. Các *chiến lược chương trình tích cực* chú trọng phát triển giao tiếp và HV tích cực trong một môi trường có thể dự đoán được nhằm giảm thiểu sự thường xuyên và mức độ nặng của các HV không phù hợp (gồm: dạy KN giao tiếp, dạy KN xã hội, dạy HS cách lựa chọn)...

- *Xây dựng kế hoạch HV,* bao gồm: điều chỉnh về môi trường, các chiến lược chương trình tích cực và các chiến lược phản ứng để những ai có liên quan đến trẻ có thể duy trì phương pháp này một cách thống nhất. Hơn nữa, cần xây dựng khung thời gian, khung đánh giá hiệu quả của kế hoạch.

- *Đánh giá các kế hoạch HV, các yếu tố xem xét* nhằm đánh giá hiệu quả của chiến lược HV như: can thiệp có thực hiện đồng nhất không? Có cần tiếp tục duy trì thực hiện kế hoạch trong một thời gian dài? Điều chỉnh nhỏ nhỏ liệu có cần thiết? Các chiến lược thay thế có cần thiết?

3.4. Mô hình QL về chiến lược DH dành cho TTK:

- *Xây dựng kế hoạch cá nhân:* TTK khác nhau về những khiếm khuyết trong giao tiếp KN xã hội, và các HV, do vậy phương thức học của mỗi trẻ cũng khác nhau. Không có một chương trình cụ thể nào dành cho việc DH cho tất cả TTK nên các chương trình hiệu quả đều được "cá nhân hóa" và dựa trên nhu cầu

và khả năng khác biệt của trẻ. Kế hoạch cá nhân gồm có mục tiêu cho chương trình học và mục tiêu đặc biệt cho mỗi cá nhân. Kế hoạch cần được xây dựng với sự hợp tác của nhiều bên liên quan như phụ huynh HS, GV, GV hỗ trợ (nếu có), chuyên gia trị liệu tâm lí, chuyên gia tư vấn, chuyên gia tâm lí giáo dục... Kế hoạch gồm có: dữ liệu cá nhân và giáo dục, xác định nhu cầu và điểm mạnh của HS; mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, nguồn và chiến lược được sử dụng DH nhằm đạt được mục tiêu; phân công trách nhiệm cho từng lĩnh vực cụ thể, đánh giá thực hiện kế hoạch.

Lưu ý các mục tiêu cần phải dựa trên chương trình học tập của trẻ đó là DH nhằm phát triển giao tiếp - phát triển KN diễn đạt, ngôn ngữ tiếp nhận và KN thực hành cho trẻ; một số bài học thích hợp cho sự phát triển của TTK như tăng cường sự hiểu biết về môi trường, phát triển khả năng xã hội và giảm thiểu HV, phát triển khả năng tự QL và kiểm soát...

- *Phương pháp DH và QL lớp học*: GV cần phải sử dụng các phương pháp DH trực quan, vì TTK có thể mạnh trong tư duy cụ thể, ghi nhớ thuộc lòng, và hiểu mối quan hệ thị giác không gian, trẻ thường gặp khó khăn trong tư duy trừu tượng, nhận thức xã hội, thông tin liên lạc, và sự tập trung (Quill, 1995a). Lớp học cho trẻ cần được cấu trúc sao cho phù hợp với khả năng và HV của trẻ. GV cần xây dựng cho trẻ một kế hoạch có các nhiệm vụ đa dạng nhưng vẫn phải có sự hỗ trợ của hình ảnh trực quan, giúp trẻ hiểu những nhiệm vụ nào mình sắp sửa phải làm, điều này sẽ làm giảm áp lực và lo lắng ở các em và làm giảm HV không mong muốn. Điều GV cần làm đó là bản thân GV cần phải hiểu những điểm mạnh, sở thích, điểm yếu của từng cá nhân trẻ mà mình dạy, có như vậy GV mới có những điều chỉnh trong DH cho các em. Khen thưởng kịp thời là một việc làm khuyến khích HS rất tốt, tăng hứng thú cho trẻ khi biết mình làm đúng. GV cần sử dụng các củng cố có ý nghĩa - đó là những tác động tích cực thông qua những hoạt động mà trẻ thích như đi bộ, chơi với đồ vật trẻ thích... GV nên có một kế hoạch DH với độ khó thích hợp với HS theo những tiến độ, nhịp độ phù hợp.

Tài liệu DH phải đảm bảo phù hợp với lứa tuổi của trẻ. Hãy cố gắng tạo ra nhiều sự lựa chọn nhằm giúp TTK biết cách lựa chọn theo mong muốn của mình, để từ đó là nền tảng cho việc phục vụ các nhu cầu của trẻ sau này. GV nên tránh dạy trẻ theo cách là đưa ra một chuỗi các nhiệm vụ bằng một câu nói dài, mà ngược lại GV nên chia thành từng nhiệm vụ nhỏ và tốt nhất là có sự hỗ trợ bằng tranh để giúp trẻ hiểu nhiệm

vụ trẻ sẽ phải thực hiện. Đối với các hoạt động hoặc từ ngữ mang tính chất trừu tượng và khái niệm, GV nên lấy luôn ví dụ cụ thể hoặc hoạt động minh họa luôn để trẻ có thể hiểu. Trong quá trình DH, GV nên chú ý đến các yếu tố giác quan trong môi trường lớp học có ảnh hưởng đến HS của mình không thông qua việc quan sát trẻ. Ví dụ: phải chú ý đến giác quan thị giác (xem trẻ có biểu hiện không thích ánh sáng không; giác quan thính giác (liều tiếng quạt trần, điều hòa, chuông reo, chó sủa có xảy ra cùng lúc không; để phòng các âm thanh, hoạt động có thể gây ra quá tải về giác quan cho trẻ). Cần chuẩn bị sẵn một số đồ/cách làm điều hòa giác quan. GV cố gắng bố trí một khu vực thư giãn trong lớp học có TTK vì đôi lúc trẻ rất cần một nơi yên tĩnh để có thể lấy lại bình tĩnh, khuyến khích sự độc lập của HS bằng cách đưa ra những biện pháp linh hoạt nhằm giảm sự phụ thuộc của HS (kế hoạch bằng tranh, dạy HS hiểu biết về môi trường,..) và đôi khi chỉ nên hỗ trợ HS từ phía xa... GV nên tạo ra một khu vực đặc biệt nếu trẻ yêu thích hoặc có thể mạnh trong những lĩnh vực như âm nhạc, phim ảnh, đồ họa... để tạo cơ hội phát triển những KN cho nghề nghiệp tương lai của trẻ.

* * *

Trên đây chỉ là một số mô hình QL trong lớp học của GV dạy TTK, còn có rất nhiều những mô hình có liên quan khác như mô hình QL phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho TTK... Tuy nhiên, cần lưu ý rằng để QL được lớp học có TTK, GV cần phải đồng thời QL được tất cả các mô hình kể trên. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực của bản thân GV và sự phối hợp chặt chẽ của HS, phụ huynh, nhà trường và một số các thành phần khác có liên quan. Hi vọng, ngoài những mô hình giáo dục cho TTK đã được áp dụng thành công tại Việt Nam, mô hình giáo dục TTK được đề cập đến trên đây sẽ mang lại nhiều cơ hội học tập mới và tiến bộ hơn cho TTK góp phần thúc đẩy sự phát triển của công tác giáo dục cho TTK ở Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Quản lý trường lớp trong giáo dục đặc biệt*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Deborah Deutsch smith & Ruth Luckasson (1995). *Introduction to special education*, University of New Mexico, USA.
- [3] DSM-V (2013). *Diagnostic and Statistical manual of Mental Disorders 5th edition*. American Psychiatric Association Washington DC.
- [4] Ministry of Education, Special program Branch (2000). *Teaching students with autism - A resource guid for school*. Bristish Columbia.